

Số: 178 /CB-TTYT

Yên Bái, ngày 19 tháng 7 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Lào Cai.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái.

Số Giấy phép hoạt động số 000042/LCA-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Lào Cai, cấp ngày 18 tháng 7 năm 2025.

Địa chỉ: Tổ dân phố Nguyễn Thái Học 12, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BsCKII Trần Quang Mạnh

Điện thoại liên hệ: 0945115557 Email : manh0945115557@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sĩ
- Điều dưỡng
- Hộ sinh
- Kỹ thuật y: Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh, Phục hồi chức năng

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: *(có danh sách kèm theo)*.

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 80 người.

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

STT	Chức danh thực hành	Thời gian thực hành (tháng)	Mức thu phí thực hành (đồng/tháng)
1	Bác sĩ, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ RHM, Bác sĩ YHDP	12	500.000
2	Y sĩ	9	500.000
3	Y sĩ y học cổ truyền	9	500.000
4	Điều dưỡng	6	500.000

5	Hộ sinh	6	500.000
6	Kỹ thuật y	6	500.000

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm bản công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.



Trần Quang Mạnh



NỘI DUNG THỰC HÀNH
ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm theo Bản công bố số 178/CB-TTYT ngày 29/7/2025 của TTYTKV Yên Bái)

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái xây dựng nội dung đào tạo thực hành đề cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Điều 3, Mục 1, chương II, Nghị định 96/2023/NĐ-CP như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN TỔ CHỨC THỰC HÀNH

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

Bác sĩ, Điều dưỡng, Kỹ thuật y, Hộ sinh.

2. Thời gian tổ chức thực hành:

Căn cứ theo quy định tại Điều 3 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ).

3. Thời gian thực hành đối với từng đối tượng như sau:

S T T	Nhu cầu thực hành cấp xác nhận năng lực chuyên môn	Chuyên khoa thực hành	Thời gian thực hành
1	Bác sĩ	(1) Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	03 tháng
		(2) Khoa Nhi	02 tháng
		(3) Khoa Ngoại tổng hợp	03 tháng
		(4) Khoa CSSKSS & Phụ sản	02 tháng
		(5) Khoa Khám bệnh	02 tháng
		(6) Khoa YHCT-PHCN	
		Tổng thời gian thực hành	12 tháng
2	Bác sĩ Y học cổ truyền	(1) Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	03 tháng
		(2) Khoa YHCT - PHCN	09 tháng
		Tổng thời gian thực hành	12 tháng
3	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	(1) Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	03 tháng
		(2) Khoa Ngoại tổng hợp	09 tháng
		*Tổng thời gian thực hành	12 tháng

4	Bác sỹ y học dự phòng	(1) Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	03 tháng
		(2) Khoa KSBT – HIV/AIDS	06 tháng
		(3) Khoa ATTP - YTCC & DD	03 tháng
		(4) Phòng Dân số - TT & GDSK	
		*Tổng thời gian thực hành	12 tháng
5	Y sỹ đa khoa	(1)Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	03 tháng
		(2)Thực hành tại các khoa Khoa Ngoại tổng hợp; Khoa CSSKSS & Phụ sản.	03 tháng
		(3) Khoa Y học cổ truyền- PHCN	01 tháng
		(4) Khoa Khám bệnh	01 tháng
		(5) Khoa Nhi	01 tháng
		*Tổng thời gian thực hành	09 tháng
6	Y sỹ Y học cổ truyền	(1)Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	03 tháng
		(2) Khoa Y học cổ truyền & PHCN	04 tháng
		(3) Khoa Dược –VT-TBYT	01 tháng
		(4) Khoa Khám bệnh	01 tháng
		*Tổng thời gian thực hành	09 tháng
7	Điều dưỡng, Kỹ thuật y: KT PHCN, KT phục hình răng, KT khúc xạ nhãn khoa	(1) Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	01 tháng
		(2) Phòng Điều dưỡng (KSNK)	
		(3) Khoa Ngoại tổng hợp	05 tháng
		(4) Khoa CSSKSS & Phụ sản	
		(5) Khoa Nhi	
		(6) Khoa Y học cổ truyền- PHCN	
		*Tổng thời gian thực hành	06 tháng
8	Hộ sinh	(1)Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	01 tháng
		(2) Khoa CSSKSS & Phụ sản	04 tháng
		(3) Phòng Điều dưỡng (KSNK)	01 tháng
		*Tổng thời gian thực hành	06 tháng
9	Kỹ thuật y: kỹ thuật hình ảnh y học	(1)Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	01 tháng
		(2)Khoa XN & CDHA	05 tháng
		*Tổng thời gian thực hành	06 tháng
10	Kỹ thuật y: kỹ thuật xét nghiệm y học	(1) Khoa Nội tổng hợp (HSCC)	01 tháng
		(2) Khoa XN & CDHA	05 tháng
		*Tổng thời gian thực hành	06 tháng

II. TỔ CHỨC THỰC HÀNH: (Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ).

1. Tiếp nhận người thực hành:

a) Người thực hành phải có đơn đề nghị thực hành theo Mẫu 03 Phụ lục I và bản sao hợp lệ một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại Điều 8 quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ gửi đến cơ sở hướng dẫn thực hành nơi đăng ký thực hành.

- Nộp bản sao hợp lệ văn bằng chuyên môn phù hợp với nội dung đăng kí thực hành.

- Giấy khám sức khỏe.

- Quyết định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan cử đi (nếu có).

b) Sau khi nhận được đơn đề nghị thực hành, người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với người thực hành theo Mẫu 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP về Sở Y tế.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của cơ sở và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phân công người hướng dẫn thực hành:

a) Phân công người hướng dẫn thực hành theo Mẫu 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

3. Điều kiện đối với người hướng dẫn thực hành:

a) Có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với nội dung, đối tượng được hướng dẫn thực hành;

b) Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;

c) Có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

4. Người hướng dẫn thực hành:

Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

5. Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, cơ sở hướng dẫn thực hành có trách nhiệm:

a) Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP, ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

b) Đăng tải danh sách người đã hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của cơ sở hướng dẫn thực hành và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

III. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH:

Cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình hành theo mẫu Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

Trên đây là Nội dung bản công bố đào tạo thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Yên Bái./.



DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Bản hành kèm theo Bản công bố số, 178 /CB-TTYT ngày 29/ 7/2025 của TTYTKV Yên Bái)

STT	Họ & tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề
1	Triệu Thành Trung	1978	Bác sĩ đa khoa	Khoa Khám bệnh	001413/YB-CCHN
2	Hoàng Thị Ngân Hà	1970	Bác sĩ đa khoa	Khoa Khám bệnh	001351/YB-CCHN
3	Trần Thị Kim Cúc	1983	Bs CKI	Khoa Ngoại tổng hợp	001350/YB-CCHN
4	Đỗ Thị Thu	1979	Bs CKI	Khoa CSSKSS&PS	001428/YB-CCHN
5	Phạm Duy Thành	1993	Bs CKI	Khoa CSSKSS&PS	003502/YB-CCHN
6	Hà Xuân Lương	1977	Bs CKI	Khoa Ngoại tổng hợp	002800/YB-CCHN
7	Hoàng Thị Vinh	1990	Bs CKI	Khoa Ngoại tổng hợp	003026/YB-CCHN
8	Phạm Thị Phương Loan	1993	Bác sĩ	Khoa Ngoại tổng hợp	003690/YB-CCHN
9	Vũ Hồng Long	1985	Bs CKI	Khoa Nội tổng hợp	001371/YB-CCHN
10	Cao Thị Thu Thủy	1975	Bs CKI	Khoa Nội tổng hợp	003317/YB-CCHN
11	Nguyễn Thảo Dung	1996	Bác sĩ	Khoa Nội tổng hợp	004082/YB-CCHN
12	Hà Thị Kim Nhung	1975	Bs CKI	Khoa Nhi	000358/YB-CCHN
13	Nguyễn Thị Kim Lan	1970	Bs CKI	Khoa YHCT &PHCN	001421/YB-CCHN
14	Mai Anh Đức	1984	Ths BS	Khoa YHCT &PHCN	002955/YB-CCHN
15	Hoàng Xuân Trường	1981	Bác sĩ	Khoa XN & CĐHA	002962/YB-CCHN
16	Nguyễn Văn Chiến	1967	Bác sĩ CKI	Phụ trách khối Dự phòng	001691/YB-CCHN
17	Vũ Việt Dương	1976	Bác sĩ	Khoa KSBT-HIA/AIDS	002954/YB-CCHN
18	Trần Thị Phương Thảo	1983	CKI Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	001427/YB-CCHN

19	Trương Thị Lan Phương	1986	CN Hộ sinh	Khoa CSSKSS&PS	033276/YB-CCHN
20	Đặng Thị Thuý	1987	CN Hộ sinh	Khoa CSSKSS&PS	001388/YB-CCHN
21	Mai Ngọc Bảo	1967	CN Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	001363/YB-CCHN
22	Trần Ngọc Chiến	1985	CKI Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	001365/YB-CCHN
23	Lương Thị Hoa	1984	CN Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	001374/YB-CCHN
24	Hoàng Lệ Hương	1982	CN Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	001372/YB-CCHN
25	Bùi Thị Thúy Ngân	1987	CN Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	001379/YB-CCHN
26	Trần Thị Phương Huệ	1985	CN Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	001378/YB-CCHN
27	Trần Thị Anh Thư	1970	CN Điều dưỡng	Khoa Nhi	001397/YB-CCHN
28	Hoàng Thị Thu	1986	CN Điều dưỡng	Khoa Nhi	000351/YB-GPHN
29	Đặng Thị Huệ	1980	CN Điều dưỡng	Khoa YHCT &PHCN	001422/YB-CCHN
30	Dương Thị Quyên	1987	CN KTV PHCN	Khoa YHCT &PHCN	001425/YB-CCHN
31	Đỗ Sơn Tùng	1983	CN CDHA	Khoa XN & CDHA	000207/YB-GPHN
32	Đỗ Thị Minh Thư	1982	CKI XNYH	Khoa XN & CDHA	004183/YB-CCHN
33	Trần Thị Thiên Hương	1984	CN XNYH	Khoa XN & CDHA	004182/YB-CCHN
34	Vương Thị Như Huệ	1987	CN Điều dưỡng	Khoa XN & CDHA	001414/YB-CCHN
35	Nguyễn Trọng Long	1977	Bác sĩ	Phòng DS-TT&GDSK	004129/YB-CCHN
36	Nguyễn Thị Minh Huệ	1981	CKI Điều dưỡng	Phòng Điều dưỡng	001353/YB-CCHN
37	Nguyễn Thị Thịnh	1980	CN Điều dưỡng	Phòng Điều dưỡng	001373/YB-CCHN